

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN PHÚ TÂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/HNGĐ-ST
Ngày 03-3-2020
V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thế Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Hồng Ân.

Bà Nguyễn Kim Huệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Hồng Huệ là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 03 tháng 3 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 374/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1975 (Có mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng K, sinh năm 1968 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp Q, xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 02 tháng 12 năm 2019 và tại phiên tòa, bà Nguyễn Thị H trình bày: Vào năm 1996 bà và ông Nguyễn Hồng K kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Cái Nước, tỉnh Minh Hải (nay là Ủy ban nhân dân xã T, huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau) cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 07/6/1996. Trong quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, không hòa hợp và thường xuyên tranh cãi với nhau nên bà và ông Nguyễn Hồng K đã không còn sống chung từ năm 2012 cho đến nay. Xét thấy, hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hồng K. Về con chung, có hai người tên là Nguyễn Thị Trúc Q, sinh năm 1997 và Nguyễn Duy Đ, sinh năm 2001. Con chung hiện đã thành niên

và có khả năng tự lao động sinh sống nên bà không yêu cầu giải quyết. Tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại đơn xin vắng mặt ngày 14 tháng 02 năm 2020, bị đơn ông Nguyễn Hồng K đồng ý đối với toàn bộ nội dung đơn khởi kiện và lời khai của bà Nguyễn Thị H, ông không có ý kiến gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Việc bà Nguyễn Thị H yêu cầu ly hôn ông Nguyễn Hồng K là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, ông Nguyễn Hồng K có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hồng K là có căn cứ.

[2] Xét về hôn nhân, bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng K kết hôn và có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền, nên hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng K được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống, bà Nguyễn Thị H cho rằng giữa vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và vì cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hồng K. Đối với ông Nguyễn Hồng K cũng xác định là cuộc sống hôn nhân với bà Nguyễn Thị H không thể tiếp tục nên ông đồng ý ly hôn với bà Nguyễn Thị H. Bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng K đã không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, khắc phục những mâu thuẫn để tiếp tục cùng nhau xây dựng cuộc sống chung. Xét thấy, hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Nguyễn Hồng K đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ đó, chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Nguyễn Hồng K là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung, có hai người tên là Nguyễn Thị Trúc Q, sinh năm 1997 và Nguyễn Duy Đ, sinh năm 2001. Con chung hiện đã thành niên và có khả năng tự lao động sinh sống nên không đặt ra xem xét.

[4] Tài sản chung và nợ chung không có nên không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H chịu theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị H ly hôn với ông Nguyễn Hồng K.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0019637, ngày 05 tháng 12 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau, bà Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà Nguyễn Thị H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Nguyễn Hồng K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thế Phương